

Bản án số: 199/2017/HS-ST
Ngày 06 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Thanh Tâm

Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái – Kiểm sát viên

Ngày 06/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 192/2017/TLST-HS ngày 15/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2017/QĐXXST-HS ngày 23/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Duy T, sinh năm 1978; nơi cư trú: đường N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy P và bà Tạ Thị Th; có vợ: Đoàn Thị Q và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số ***/2010/HSST ngày 27/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2010; bị tạm giữ từ ngày 27/8/2017 đến ngày 30/8/2017 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Ngô Duy P, sinh năm 1949; có mặt

Trú tại: Số nhà 45, đường Ngô Thị Nhậm, tổ 29, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Tăng Đình C, sinh năm 1957; vắng mặt

Trú tại: Đường T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Phạm Duy H, sinh năm 1961; vắng mặt

Trú tại: Phố C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/8/2017, Ngô Duy T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda – Airblade biển số 17B*-***.86 từ nhà đến khu vực thôn Đ, xã P, thành phố T mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. T gặp một người đàn ông không quen biết khoảng 45 tuổi, đang đứng một mình, T hỏi “*anh có ma túy đá không bán cho em 700.000 đồng*”, người đàn ông nói “*có, đưa tiền đây*”. T lấy tiền đưa cho người đàn ông trên và nhận lại hai túi ni lông màu trắng có viền màu hồng, T đã cầm hai túi ma túy trong lòng bàn tay trái và đi về đến đường N, phường Q, thành phố T thì bị tổ công tác của Công an phường Q đang làm nhiệm vụ yêu cầu cho kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Tăng Đình C, sinh năm 1957, trú tại đường T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình và ông Phạm Duy H, sinh năm 1961, trú tại phố C, phường Q, thành phố T, T đã tự giác giao nộp từ lòng bàn tay trái cho tổ công tác số ma túy vừa mua được và khai nhận đó là ma túy đá T mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác mở ra kiểm tra thấy 02 túi ni lông màu trắng có viền màu hồng bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng sau đó niêm phong trong phong bì. Khi kiểm tra xe máy T điều khiển, không phát hiện và thu giữ gì thêm. Sau đó tổ công tác đã đưa đối tượng và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường Q, thành phố Thái Bình tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Bản Kết luận giám định số: ***/KLGD-PC54 ngày 27/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,2256 gam (một phẩy hai nghìn hai trăm năm mươi sáu gam)*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 202/KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Ngô Duy T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Ngô Duy T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017 xử phạt bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: Tịch thu tiêu hủy của bị cáo T 1,2256 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 1,1523 gam.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo có bố mẹ già yếu, con nhỏ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 19 giờ, ngày 27/8/2017, tại khu vực đường N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Ngô Duy T đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói Methamphetamine có trọng lượng 1,2256 gam mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác của Công an phường Q, thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của những làm chứng là ông Tăng Đình C và ông Phạm Duy H.

Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Q, thành phố Thái Bình lập hồi 19 giờ 30 phút ngày 27/8/2017 tại trụ sở Công an phường Q, thành phố Thái Bình; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản Kết luận định giá số: ***/KLGD-PC54 ngày 27/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã giảm so với Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ Điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo T.

Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định này.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

* Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước . Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người

mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người , phá vỡ hạnh phúc gia đình, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV /AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an . Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số ***/2010/HSST ngày 27/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2010. Tuy nhiên bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba theo Quyết định số ***/KT-HĐNN7 ngày 15 tháng 12 năm 1984 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do vậy, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

* Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Công an thu giữ, quản lý 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade biển số 17B*-***.86 bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, căn cứ kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Ngô Duy P, sinh năm 1949, trú tại: Đường N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình là bố đẻ của bị cáo. Ông P không biết T sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc xe trên cho ông P

là đúng quy định của pháp luật. Ông P đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo T 1,2256 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 1,1523 gam, căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Duy T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, phạt bị cáo T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 27/8/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu tiêu hủy của bị cáo T 1,2256 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 1,1523 gam. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 16/11/2017).*

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/12/2017.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng